TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/HSPT
Ngày: 17-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**
Các thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**
ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Trần Nhật T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên Trần Nhật T**,** sinh ngày 23 tháng 11 năm 1992 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: TDP14, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên Ngân hàng; Con ông: Trần Quang T1. Con bà: Trần Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Nhật T*:* Ông Nguyễn Văn N - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Thúy N1; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2021, Trần Nhật T đã vay, mượn tiền của nhiều người với số tiền 5.000.000.000 đồng để đầu tư tiền ảo Bitcoin trên mạng Internet và đã bị thua lỗ hết. Đến thời hạn, bị cáo T bị những người cho vay, mượn thúc giục trả nợ. Vì mong muốn nhanh chóng có tiền để trả, Trần Nhật T đã lợi dụng vị trí công tác của mình là cán bộ ngân hàng TMCP H3 (H3) chi nhánh tỉnh Q tìm gặp người thân quen, đưa ra thông tin về một số khách hàng cần tiền đáo hạn gói vay, nếu góp tiền cho T thực hiện đáo hạn thì sẽ được hưởng lãi suất cao. Do tin tưởng nên một số người đã tự nguyện góp tiền cho T theo thoả thuận. Sau khi nhận được tiền, T đã dùng một phần để trả lãi theo thỏa thuận, phần còn lại chi trả khoản nợ trước đó và chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng chi trả, bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 29/12/2022 đến tự thú tại Cơ quan công an. Với phương thức thủ đoạn trên, Trần Nhật T đã chiếm đoạt tiền của 9 người, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị Thúy N1: Chị Trần Thị Thúy N1 với Trần Nhật T cùng làm việc với nhau tại Ngân hàng H3. Quá trình làm việc T đã vận động chị N1 góp tiền làm thủ tục đáo hạn cho khách hàng để hưởng lãi suất cao. Do tin tưởng T nên từ ngày 19/5/2022 đến ngày 16/12/2022 chị N1 đã liên tục chuyển tiền cho T với tổng số tiền là: 40.071.293.671 đồng. T đã chuyển trả cho chị N1 số tiền: 33.752.389.984 đồng. Còn lại số tiền 6.318.903.687 đồng T chi tiêu cá nhân và không có khả năng chi trả.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Nguyễn Văn L: Anh Nguyễn Văn L với Trần Nhật T có quen biết nhau từ trước. Khi Luật đến Ngân hàng H3 để giao dịch T đã vận động Luật góp tiền để đáo hạn cho khách hàng để hưởng lãi suất cao. Anh L tin tưởng nên từ ngày 13/9/2022 đến ngày 14/12/2022, Luật chuyển số tiền 10.203.999.998 đồng. Số tiền này T không dùng đáo hạn cho khách hàng mà đã chuyển trả cho Luật số tiền: 6.266.899.995 đồng. Còn lại số tiền 3.937.100.003 đồng T chi tiêu cá nhân không có khả năng chi trả.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Nguyễn Thị Thủy L1: Nguyễn Thủy L1 là khách hàng có khoản vay tại Ngân hàng H3. T là người trực tiếp quản lý hợp đồng vay vốn của chị L1. Biết chị L1 có khoản tiền định gửi tiết kiệm, T vận động chị Len góp để đáo hạn cho khách hàng hưởng lãi suất cao. Chị L1 tin tưởng nên từ ngày 26/10/2022 đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của T và T nhiều lần chuyển trả lãi cho chị L1. Đến ngày 15/12/2023 chị L1 gặp T để đòi lại T2. Do không có tiền trả, T đưa ra thông tin có khách hàng cần số tiền 2.700.000.000 đồng để đáo hạn và mượn chị L1 thêm 100.000.000 đồng và hứa sau khi đáo hạn gói vay này ngày 20/12/2022 T sẽ trả đủ cho chị L1. Hai bên cân đối xác nhận T còn thiếu của chị L1 số tiền 2.470.000.000 đồng. Ngày 16/12/2022, T chuyển vào tài khoản của chị L1 số tiền 101.200.000 đồng. Số tiền còn lại 2.368.800.000 đồng Tân chi tiêu cá nhân không có khả năng chi trả.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lại Minh T3: Lại Minh T3 là khách hàng của Ngân hàng H3. Khi biết T3 có nguồn tiền gửi tiết kiệm, Trần

Nhật T đã vận động T3 góp tiền để đáo hạn cho khách hàng và hưởng lợi nhuận cao. Từ ngày 15/11/2022 đến ngày 14/12/2022, anh T3 đã liên tục chuyển tiền cho T với tổng số tiền là: 1.911.000.000 đồng. T đã chuyển trả cho T3 số tiền: 1.732.199.999 đồng. Số tiền còn lại 178.800.001 đồng Trần Nhật T chi tiêu cá nhân không có khả năng chi trả.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Hữu C: Do quen biết nhau từ trước, Trần Nhật T vận động C góp tiền đáo hạn cho khách hàng để hưởng lãi suất cao. Tin tưởng T là cán bộ ngân hàng, từ ngày 10/11/2022 đến ngày 14/12/2022, anh C đã liên tục chuyển tiền cho T với tổng số tiền là: 3.132.499.999 đồng. T đã chuyển trả cho C số tiền: 992.595.000 đồng. Số tiền còn lại 2.139.904.999 đồng Tân chi tiêu cá nhân không có khả năng chi trả.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Hoàng Hạnh M: Trần Nhật T quen biết Hoàng Hạnh M thông qua mối quan hệ với Nguyễn Hữu C. Khi biết M chuyên mua bán bất động sản, nhận thấy M có nguồn tiền nhàn rỗi, ban đầu T liên lạc vận động M góp tiền để T thực hiện đáo hạn cho khách hàng kiếm thêm khoản lợi nhuận, do không quen làm thủ tục đáo hạn nên M không tham gia. Vì cần tiền nên T tiếp tục đưa ra thông tin có một số khách hàng thế chấp sổ đỏ tại Ngân hàng nên vận động M tham gia làm thủ tục đặt cọc tiền mua đất, T hứa sẽ giới thiệu bán lại cho người khác để hưởng chênh lệch giá. Để tạo lòng tin, T chuyển bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa mức giá hợp lý để M đặt tiền cọc. T ký vào hợp đồng đặt cọc để M chuyển tiền cọc. Từ ngày 27/9/2022 đến ngày 15/12/2022, Hoàng Hạnh M đã chuyển cho T là: 13.845.299.984 đồng. T không thực hiện mua bán đất như đã cam kết mà đã chuyển trả cho M số tiền: 9.857.449.995 đồng. Số tiền còn lại 3.987.849.989 đồng T sử dụng chi tiêu cá nhân và không có khả năng chi trả.

7. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Phan Thị Thanh T4: Phan Thị Thanh T4 với Trần Nhật T cùng làm việc với nhau tại Ngân hàng H3. Mặc dù biết T4 đang thời gian nghỉ sinh, nhưng vì cần tiền để thanh toán cho người khác, T vẫn vận động cho T mượn tiền để đáo hạn cho khách hàng và sẽ cho T4 hưởng mức lợi nhuận cao nên T4 đã đồng ý. Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 21/12/2022, Phan Thị Thanh T4 đã chuyển cho T tổng số tiền là: 4.200.000.000 đồng. T đã chuyển trả cho T4 số tiền 3.519.499.997 đồng. Còn lại số tiền 680.500.003 đồng, T chi tiêu cá nhân và không có khả năng chi trả.

8. Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Quỳnh T5: Nguyễn Thị Quỳnh T5 với Trần Nhật T cùng làm việc với nhau tại Ngân hàng H3. Do cần tiền để thanh toán cho người khác, ngày 20/12/2022, T gọi điện thoại T5 đặt vấn đề với T5 cho Tân mượn số tiền 900.000.000 đồng, với lý do là T đang có khoản vay của gia đình đến hạn cần phải đáo. Để tạo lòng tin đối với chị T5, T gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo hình ảnh tin nhắn của chị gái Trần Thị Hoài T6 (Tân lưu tài khoản Zalo Chị B) nội dung "số tiền phải nộp vô tài khoản của mẹ Trần Thị H là 2 tỷ 027 triệu". Thấy T điện thoại năn nỉ nhiều lần, chị T5 tin tưởng nên đã chuyển cho Trần Nhật T mượn số tiền 800.000.000 đồng. Trần Nhật T đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Quỳnh T5 số tiền là: 800.000.000 đồng.

9. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Trần Thị Thu H1: Trần Thị Thu H1 với Trần Nhật T cùng làm việc với nhau tại Ngân hàng H3. T mượn tiền H1 để làm thủ tục đáo hạn cho khách, tin tưởng T nên từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 12/2022 chị H1 đã liên tục đưa tiền mặt, chuyển khoản cho T với tổng số tiền 11.925.573.000 đồng. Trần Nhật T đã chuyển trả cho chị H1 số tiền: 11.468.970.000 đồng. Số tiền còn lại 456.567.000 đồng Tân chi tiêu cá nhân và không có khả năng chi trả.

Về tài liệu và vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- Sao kê tài khoản ngân hàng mang tên Trần Nhật T gồm: tài khoản số 33110001529368 ngân hàng B1; số 251704070005334 ngân hàng H4; số 8686786789 ngân hàng V; số 0311000670462, số 9889818888 ngân hàng V1; số 31086010018888, số 31001010917368 ngân hàng M1;

- Sao kê tài khoản số 1112233668 ngân hàng V mang tên Trần Thị Thúy N1 và 03 tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của chị Trần Thị Thúy N1 thể hiện các cuộc trò chuyện liên quan đến việc mượn tiền;

- Sao kê tài khoản mang tên Nguyễn Văn L gồm: tài khoản số 9765188889 ngân hàng V1; số 220627519 ngân hàng V; số 53210000475544 ngân hàng B1 và 01 tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của anh Nguyễn Văn L thể hiện các cuộc trò chuyện liên quan đến việc mượn tiền;

- Sao kê tài khoản số 53110000181579 ngân hàng B1 mang tên Nguyễn Thị Thúy L2 và 01 (một) "Giấy mượn tiền" đề ngày 15/12/2022;

- Sao kê tài khoản số 53110000836366 ngân hàng B1 mang tên Lại Minh T3 và 02 tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của anh Lại Minh T3 thể hiện các cuộc trò chuyện liên quan đến việc mượn tiền:

- Sao kê tài khoản số 050992249999 và 050992240001 ngân hàng L4 mang tên Nguyễn Hữu C và 01 tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của anh Nguyên Hữu C1 thể hiện các cuộc trò chuyện liên quan đên việc mượn tiền;

- Sao kê tài khoản mang tên Hoàng Hạnh M gồm: tài khoản số 53110001332168 ngân hàng B1; số 126266868 ngân hàng A; sao kê tài khoản số 12626686868 ngân hàng A mang tên Hoàng Trung H2 và 01 tập tài liệu hình ảnh chụp các hợp đồng đặt cọc in ra từ điện thoại di động của chị Hoàng Hạnh M;

- Sao kê tài khoản mang tên Phan Thị Thanh T4 gồm: tài khoản số 0911277759, số 31086012125678 ngân hàng TMCP H3 và 01 tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của chị Phan Thị Thanh T4 thể hiện các cuộc trò chuyện liên quan đến việc mượn tiền;

- Sao kê tài khoản số 142579111 ngân hàng V mang tên Trần Thị Thu H1;

- 01 (một) tập tài liệu hình ảnh in ra từ điện thoại di động của chị Nguyễn Thị Quỳnh T5 thể hiện liên quan đến việc mượn tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Nhật T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nhật T 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 30/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 5 Điều 275; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 589 Bộ luật tố tụng Dân sự, xử: buộc bị cáo Trần Nhật T phải trả cho chị Trần Thị Thúy N1 6.318.903.687 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn L 3.937.100.003 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thúy L2 số tiền 2.368.800.000 đồng; trả cho anh Lại Minh T3 số tiền là: 178.800.001 đồng; trả cho anh Nguyễn Hữu C số tiền 2.139.904.999 đồng; trả cho chị Hoàng Hạnh M số tiền là: 3.987.849.989 đồng; trả cho chị Phan Thị Thanh T4 số tiền là: 680.500.003 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T5 số tiền là: 800.000.000 đồng; trả cho chị Trần Thị Thu H1 số tiền là: 456.567.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2024, bị cáo Trần Nhật T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/4/2024, bị hại bà Trần Thị Thúy N1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt sử dụng vào mục đích gì, xem xét hình thức khắc phục hậu quả để đảm bảo quyền lợi cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm: Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Nhật T. Trong quá trình thi hành án, các bị hại khi có chứng cứ nào chứng minh bị cáo có tài sản nào khác có thể yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện kê biên, bán đấu giá để khắc phục cho các ông bà; không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị

cáo, bị hại có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Đối với kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Nhật T rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Nhật T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để trả nợ cá nhân, lợi dụng vị trí công tác tại Ngân hàng, Trần Nhật T đã đưa ra thông tin cho những người T quen biết là T cần tiền để đáo hạn cho khách hàng, nếu góp tiền vào sẽ được hưởng lãi suất cao hơn gửi tiết kiệm. Những người bị hại tin tưởng và đã chuyển tiền cho T. Một phần, T dùng số tiền này để trả lãi cho những người đã chuyển tiền để tạo lòng tin, phần còn lại T dùng trả nợ và chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng chi trả. Trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 12/2022, T đã chiếm đoạt tiền của 9 người với tổng số tiền 20.868.425.679 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Nhật T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Trần Nhật T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do muốn có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã đưa ra thông tin gian dối làm cho các bị hại tin tưởng cho vay tiền để bị cáo chiếm đoạt. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn tạo ra tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Trần Nhật T đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại nhiều lần, mỗi lần chiếm đoạt đều cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; do đó, bị cáo

phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú hành vi phạm tội của mình. Nhiều bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xét bị cáo có nhân thân tốt, xử phạt bị cáo Trần Nhật T 18 năm tù, đồng thời buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiến đoạt của các bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định số tiền chiếm đoạt bị cáo sử dụng để đầu tư tiền ảo, trả một phần gốc và lãi cho các khoản vay, chi tiêu cá nhân không thu hồi được. Hiện nay bị cáo không có tài sản gì. Trong quá trình thi hành án nếu xác định bị cáo có tài sản thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành kê biên xử lý tài sản để bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại kháng cáo đề nghị xem xét các biện pháp thi hành trả lại tiền, buộc bị cáo có phương án bồi thường, khắc phục thiệt hại, Hội đồng xét xử xét thấy: các nội dung yêu cầu này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án.

Tại phiên toà hôm nay, những người kháng cáo không cung cấp được các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận các nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Nhật T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Thúy N1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nhật T 18 (mười tám) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 30/12/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 5 Điều 275; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 589 Bộ luật tố tụng Dân sự, xử: buộc bị cáo Trần Nhật T phải trả cho chị Trần Thị Thúy N1 6.318.903.687 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn L 3.937.100.003 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thúy L2 số tiền 2.368.800.000 đồng; trả cho anh Lại Minh T3 số tiền là: 178.800.001 đồng; trả cho anh Nguyễn Hữu C số tiền 2.139.904.999 đồng; trả cho chị Hoàng Hạnh M số tiền là:

3.987.849.989 đồng; trả cho chị Phan Thị Thanh T4 số tiền là: 680.500.003 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh T5 số tiền là: 800.000.000 đồng; trả cho chị Trần Thị Thu H1 số tiền là: 456.567.000 đồng.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp